

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH : XÉT NGHIỆM Y HỌC
MÃ NGÀNH: 7720601

Hà Nội -2017

Phần 3: Chương trình và kế hoạch đào tạo

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐĐ ngày tháng năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Xét nghiệm y học Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Cử nhân xét nghiệm y học Mã số: 7720601

Loại hình đào tạo : Chính qui

– Căn cứ Luật giáo dục ngày 14/6/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009;

– Căn cứ nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

– Căn cứ nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

– Căn cứ vào Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung các ngành đào tạo Đại học và Cao đẳng thuộc nhóm ngành Khoa học sức khỏe;

– Căn cứ Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

– Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “*Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”;

– Căn cứ Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng, an ninh;

– Căn cứ Quyết định số 52/2008 /QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

– Căn cứ thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

– Căn cứ thông tư số 07/2015/TT/BGDĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của Giáo dục Đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình Đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ;

– Căn cứ nhu cầu về nguồn nhân lực Kỹ thuật viên – Xét nghiệm y học trình độ đại học của ngành Y tế trong thời gian trước mắt và lâu dài tại Thủ đô Hà Nội nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc;

– Căn cứ vào khả năng và điều kiện của Trường Đại học Đông Đô, về giảng viên, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo Xét nghiệm y học đại học chính quy, Khoa Xét nghiệm y học – Trường Đại học Đông Đô đã dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản có liên

quan nhất là dự thảo về chương trình khung đối với khối ngành khoa học sức khỏe của Bộ vào năm 2012, đồng thời tham khảo nhiều chương trình đào tạo Xét nghiệm y học của các trường đại học trong và ngoài nước, cũng như sự đóng góp của các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ của các Đại học Y trong nước. Khoa Xét nghiệm y học - Trường Đại học Đông Đô đã hoàn thành xây dựng chương trình đào tạo ngành Xét nghiệm y học.

1. Mục tiêu đào tạo

a./ Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Xét nghiệm y học có: y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b./ Mục tiêu cụ thể về kiến thức:

- Có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật - công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc chuyên ngành kỹ thuật Xét nghiệm y học.

- Hiểu các nguyên lý, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc chuyên ngành kỹ thuật Xét nghiệm y học.

- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

về kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm lâm sàng thông thường và áp dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên ngành.

Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc

lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.

- Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.

- Thực hiện kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, sử dụng hóa chất, an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.

- Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm.

- Tham gia chỉ đạo tuyến và phòng chống dịch.

- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để tự nghiên cứu và học tập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc tại các bệnh viện từ tuyến trung ương đến các cơ sở, Viện nghiên cứu, Trung tâm y tế hoặc trong các cơ sở đào tạo cán bộ y tế và các cơ sở y tế khác.

về trình độ ngoại ngữ: Tương đương chứng

chỉ B về trình độ tin học: Tin học văn phòng

2. Thời gian đào tạo: Tập trung 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- 125 tín chỉ chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 Tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (8 Tín chỉ)

- 01 Tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết; 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, thực hành; 40 tiết thực tập tại bệnh viện; 45 tiết quân sự và thể dục và 90 tiết thực tế tại cộng đồng.

STT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)</i>	31
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:</i>	94
	- Kiến thức cơ sở ngành	21
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	55
	- Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	4
3	<i>Thực tế nghề nghiệp</i>	4
4	<i>Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận</i>	10
Tổng cộng		125

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo:

- Thực hiện theo quy chế đào tạo Đại học và Cao Đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ - BGD & ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa học và năm học. Mỗi năm có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ có ít nhất 17 tuần thực học và 3 tuần thi và kiểm tra.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

5.2.1. Điều kiện xét tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình, không còn học phần điểm trung bình dưới 5.
- Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Có các Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục thể thao.

5.2.2. Điều kiện công nhận tốt nghiệp:

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

6. Thang điểm: Thực hiện theo quy chế đào tạo Đại học và Cao Đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/ QĐ - BGD & ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình:

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương		31	27	4	
	Các môn chung	20	17	3	
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0	
4	Ngoại ngữ 1	2	1	1	
5	Ngoại ngữ 2	2	1	1	
6	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0	
7	Tin học đại cương	2	1	1	
8	Giáo dục thể chất*	9*			
9	Giáo dục quốc phòng - An ninh	11*			
	Học phần tự chọn 1/2 học phần	2	2	0	
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	
11	Pháp luật đại cương	2	2	0	
	Các môn cơ sở khối ngành	11	10	1	
12	Xác suất - thống kê y học	2	2	0	
13	Hóa học	2	2	0	
14	Sinh học và di truyền	3	2	1	
15	Vật lý và Lý sinh	2	2	0	
16	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	0	

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94	41	53	
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành		21	17	4	
17	Sinh lý - Mô	2	1	1	
18	Giải phẫu	2	1	1	
19	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	0	
20	Dược lý	2	2	0	
21	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	1	
22	Bệnh học Nội khoa	2	2	0	
23	Bệnh học Ngoại khoa	2	2	0	
24	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	3	2	1	
	Học phần tự chọn 2/3 học phần	4	4	0	
25	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0	
26	Sức khỏe môi trường	2	2	0	
27	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2	2	1	
7.2.2. Kiến thức ngành		59	24	35	
28	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	3	2	1	
29	Huyết học tế bào 1	3	2	1	
30	Huyết học tế bào 2	2	1	1	
31	Huyết học đông máu	2	1	1	
32	Huyết học truyền máu	2	1	1	
33	Xét nghiệm huyết học nâng cao	3	2	1	
34	Hoá sinh 1	2	1	1	
35	Hoá sinh 2	2	1	1	

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
36	Vi sinh 1	3	2	1	
37	Vi sinh 2	2	1	1	
38	Ký sinh trùng 1	3	1	2	
39	Ký sinh trùng 2	2	1	1	
40	Xét nghiệm tế bào 1	3	2	1	
41	Xét nghiệm tế bào 2	2	1	1	
42	Y sinh học phân tử	2	1	1	
43	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1	
44	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1	
45	Thực tập KTXN 1: Vi sinh-Ký sinh trùng	3	0	3	
46	Thực tập KTXN 2: Hoá sinh	3	0	3	
47	Thực tập KTXN 3: Huyết học	3	0	3	
48	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh	3	0	3	
49	Thực tập về phương thức tổ chức – quản lý PXN tại bệnh viện	3	0	3	
	Học phần tự chọn 2/4 học phần	4	2	2	
50	Xét nghiệm vi sinh trong vệ sinh an toàn thực phẩm	2	1	1	
51	Y sinh học phân tử nâng cao	2	1	1	
52	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1	
53	Độc chất học lâm sàng	2	1	1	
7.2.3. Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận		14	0	14	
54	Thực tế tốt nghiệp	4	0	4	
55	Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10	0	10	
Tổng		125	68	57	

* Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng -An ninh

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

HỌC KỲ 1

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	5	0	
2	Anh Văn 1	2	1	1	
3	Tin học đại cương	2	1	1	
4	Giáo dục thể chất	3	0	3	
5	Giáo dục quốc phòng - An ninh	11	2	9	
6	Học phần tự chọn 1/2 học phần	2	2	0	
	Tổng	22	11	14	

HỌC KỲ 2

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT		
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	5	0	
2	Anh Văn 2	2	1	1	
3	Giáo dục thể chất	3	0	3	
4	Xác suất - thống kê y học	2	2	0	
5	Hóa học	2	2	0	
6	Sinh học và di truyền	3	2	1	
7	Vật lý và Lý sinh	2	2	0	
8	Sinh lý - Mô	2	1	1	
	Tổng	19	15	6	

HỌC KỲ 3

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
1	Giáo dục thể chất	3	0	3	
2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	0	
3	Dược lý	2	2	0	
4	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	1	
5	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	0	
6	Thực tập KTXN 2: Hoá sinh	3	0	3	
7	Học phần tự chọn 2/3 học phần	4	4	0	
	Tổng	18	11	7	

HỌC KỲ 4

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0	
3	Giải phẫu	2	1	1	
4	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	3	2	1	
5	Huyết học tế bào 1	3	2	1	
6	Hoá sinh 1	2	1	1	
7	Vi sinh 1	3	2	1	
	Tổng	17	12	5	

HỌC KỲ 5

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
1	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh	3	0	3	
2	Huyết học tế bào 2	2	1	1	
3	Huyết học đông máu	2	1	1	
4	Hoá sinh 2	2	1	1	
5	Vi sinh 2	2	1	1	
6	Ký sinh trùng 1	3	1	2	
7	Thực tập KTXN 3: Huyết học	3	0	3	
8	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0	
	Tổng	20	8	12	

HỌC KỲ 6

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
1	Bệnh học Ngoại khoa	2	2	0	
2	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	3	2	1	
3	Huyết học truyền máu	2	1	1	
4	Xét nghiệm huyết học nâng cao	3	2	1	
5	Ký sinh trùng 2	2	1	1	
6	Xét nghiệm tế bào 1	3	2	1	
7	Thực tập KTXN 1: Vi sinh-Ký sinh trùng	3	0	3	
	Tổng	18	10	8	

HỌC KỲ 7

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
1	Bệnh học Nội khoa	2	2	0	
2	Xét nghiệm tế bào 2	2	1	1	
3	Y sinh học phân tử	2	1	1	
4	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1	
5	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1	
6	Thực tập về phương thức tổ chức – quản lý PNXN tại bệnh viện	3	0	3	
7	Học phân tự chọn 2/4 học phần	4	2	2	
	Tổng	17	8	9	

HỌC KỲ 8

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số Tín chỉ	Phân bố TC		Ghi chú
			LT	TH	
1	Thực tế tốt nghiệp	4	0	4	
2	Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10	0	10	
	Tổng	14	0	14	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đề án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và

hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá:

9.3.1. Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm:

Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

a. Đối với những học phần không làm tiểu luận Điểm học phần được tính:

$$- \text{Đ.TKHP} = 60\% \text{ Đ.KTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 20\% \text{ Đ.TBKTTX}$$

- Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần

- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải ≥ 4 mới tính các điểm khác)

- Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

- Đ.TBKTTX: Điểm trung bình kiểm tra thường xuyên (bao gồm seminar, thảo luận nhỏ, kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút)

b. Đối với những học phần có làm tiểu luận áp dụng hình thức đánh giá như sau:

$$- \text{Đ.TKHP} = 50\% \text{ Đ.KTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 30\% \text{ Đ.TL}$$

- Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần

- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải ≥ 4 mới tính các điểm thành phần, nếu nhỏ hơn 4 thì điểm tổng kết học phần là điểm F)

- Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

- Đ.TL: Điểm tiểu luận

9.3.2. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành:

a. Đối với học phần không có tiểu luận:

- Điểm lý thuyết (ký hiệu là ĐLT): Là kết quả các điểm thành phần bao gồm điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ, điểm kết thúc học phần nhân với trọng số của các điểm thành phần.

- Điểm thực hành (ký hiệu là ĐTH): là trung bình cộng của các bài tập cộng với điểm thi kết thúc thực hành (nếu có) chia cho 2.

- Điểm thực hành và điểm lý thuyết phải đạt yêu cầu thì mới được tính điểm tổng kết học phần.

- Nếu gọi: j_{lt} là số tín chỉ của điểm lý thuyết, j_{th} là số tín chỉ của điểm thực hành và N là số tín chỉ của học phần, thì điểm tổng kết học phần được tính:

$$ĐTKHP = \frac{ĐLT \cdot j_{lt} + ĐTH \cdot j_{th}}{N} \quad (1)$$

b. Đối với học phần có tiểu luận:

- Điểm lý thuyết: bao gồm điểm tiểu luận, điểm giữa kỳ, điểm kết thúc học phần nhân với trọng số của các điểm thành phần.

- Điểm thực hành là trung bình cộng của các bài tập cộng với điểm thi kết thúc thực hành (nếu có) chia cho 2

- ĐKTHP của loại học phần này cũng được tính theo công thức (1)

Ghi chú:

***Thi giữa học phần** (Giữa học phần chỉ thi một lần)

Sinh viên thi giữa học phần không đạt vẫn tiếp tục học cho đến khi thi kết thúc học phần.

Trước khi thi kết thúc học phần, những sinh viên có thái độ học tập tốt, chuyên cần sẽ được giáo viên giảng dạy học phần đó quyết định việc cho thi hay không thi. Nếu bỏ thi giữa kỳ (không lí do) thì nhận điểm 0 và bị cấm thi.

Các trường hợp có lí do chính đáng thì giảng viên chủ động tổ chức cho thi trước khi thi kết thúc học phần.

***Thi kết thúc học phần** (Thi kết thúc học phần chỉ được thi 1 lần)

Sinh viên có điểm tiểu luận ≥ 4 (thang điểm 10) và có điểm thi giữa kỳ thì mới được thi kết thúc học phần.

9.3.3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

9.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đề án tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 14.000.000đ/năm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC
MÃ NGÀNH: 52720332

Hà Nội -2017

